

Bất bình đẳng mức sống ở nông thôn Việt Nam qua sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình

Đỗ Thiên Kính^(*)

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu khái quát một số kết quả của Đề tài cấp Bộ (2015-2016) “Bất bình đẳng mức sống ở nông thôn Việt Nam qua sử dụng và quản lý đất đai hiện nay” do tác giả làm chủ nhiệm, Viện Xã hội học là cơ quan chủ trì, nghiên cứu ảnh hưởng của nguồn lực đất nông nghiệp đến mức sống của người dân trong 20 năm (1992-2012) dựa trên việc phân tích và xử lý sâu số liệu 8 cuộc Điều tra mức sống dân cư Việt Nam (VHLSS) đại diện cho cả nước do Tổng cục Thống kê thực hiện từ năm 1992 đến 2012.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra: Bất bình đẳng tăng lên ở Việt Nam đã thể hiện thành sự phân cực xã hội, một cực là nhóm hộ giàu có mức sống cao nhất, cực kia là các nhóm hộ còn lại (trong đó nhóm hộ nghèo là thấp nhất). Quá trình tích tụ và tập trung đất nông nghiệp (bao gồm đất sản xuất nông nghiệp - SXNN, đất lâm nghiệp, đất thủy sản, đất làm muối,..., trong đó chủ yếu là đất SXNN) đang diễn ra khá chậm ở nông thôn Việt Nam. Nhìn theo cả giai đoạn 20 năm từ 1992-2012, nhân tố đất nông nghiệp cũng có tác động làm giảm hộ nghèo và tăng hộ giàu, và nâng cao mức sống cho hộ gia đình nông thôn nhưng không nhiều so với các nhân tố khác.

Từ khóa: Bất bình đẳng, Phân cực mức sống, Tích tụ đất nông nghiệp, Hiệu quả sử dụng đất

1. Bất bình đẳng về mức sống ở Việt Nam và bản chất của sự phân cực

* *Mức độ bất bình đẳng vừa đang tăng lên cao, và sự phân hóa thành hai cực giàu nghèo về mức sống (sự phân cực về mức sống)*

Kết quả nghiên cứu thực trạng bất bình đẳng về mức sống ở Việt Nam và khu vực nông thôn trong thời kỳ 20 năm (1992-2012) cho thấy, bất bình đẳng trong phạm vi cả nước ngày càng tăng lên và ở

mức cao nhất, tiếp đến là khu vực đô thị, cuối cùng là khu vực nông thôn (Hình 1a). Trên cơ sở chỉ báo thu nhập kết hợp với các chỉ báo khác, có thể thấy bất bình đẳng mức sống ở Việt Nam nói chung ít nhất đã thuộc mức độ *bất bình đẳng vừa* từ năm 2008 đến 2012. Chỉ tiêu cho ngoài ăn uống đều thuộc loại mức độ *bất bình đẳng vừa* trong cả 20 năm (1992-2012). Một số mặt khác của mức sống (chỉ tiêu cho y tế, giá trị chỗ ở) đã ở mức độ *bất bình đẳng cao*.

Quá trình bất bình đẳng tăng lên ở Việt Nam (cũng như khu vực nông thôn)

^(*) TS., Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; Email: kinhdt@gmail.com

đã thể hiện thành sự *phân cực xã hội* (Hình 1b). Một cực là nhóm giàu có mức sống cao nhất, cực kia là các nhóm còn lại (trong đó nhóm nghèo là thấp nhất). Như vậy, có thể nhận định rằng sự bất bình đẳng hiện nay ở Việt Nam có *xu hướng phân hóa thành hai cực (tương phản) giàu nghèo về mức sống (sự phân cực về mức sống)*. Đây là *nhận định mới* và tổng kết khái quát về xu hướng bất bình đẳng mức sống ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Cụ thể hơn, sự phân cực giàu nghèo trong cả nước trong vòng 10 năm từ 2002-2012 cho thấy, ở một cực là nhóm hộ nghèo có tổng thu nhập chỉ chiếm khoảng 4,7% trong tổng thu nhập của toàn xã hội. Trong khi đó, ở cực kia là nhóm hộ giàu có thu nhập chiếm phần lớn hơn rất nhiều là 54,4%. Đối với riêng khu vực nông thôn, hai nhóm hộ nghèo và giàu có con số tương ứng về thu nhập là 3,1% và 26,4% trong tổng số thu nhập của toàn cộng đồng nông thôn.

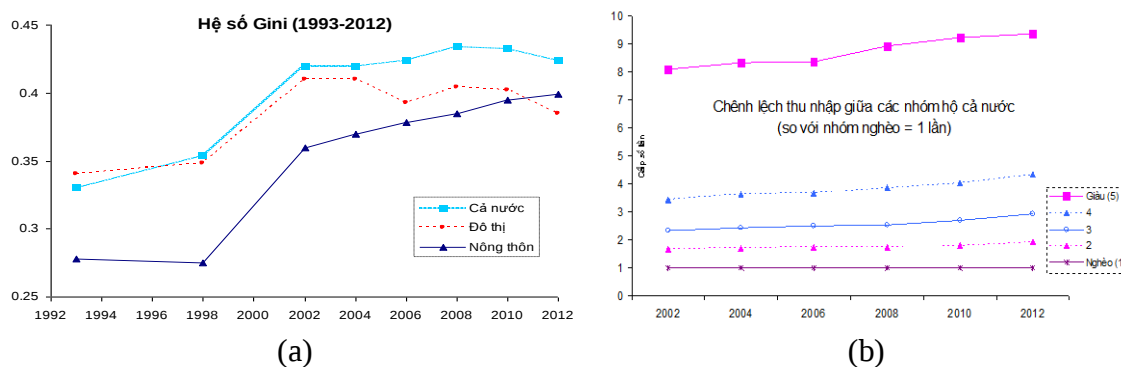
** Bản chất của sự phân cực về mức sống*

Bất bình đẳng về mức sống trình bày trên đây có hình dạng phân tầng xã hội kiểu kim tự tháp (Đỗ Thiên Kính, 2015: 28), mà biểu hiện của nó trong đời sống xã hội là *hiện tượng phân cực* giữa các

nhóm hộ giàu nghèo. Sở dĩ như vậy bởi vì bất bình đẳng trong hệ thống phân tầng hai cực thuộc về cấu trúc xã hội, nó nằm ở tầng bên dưới, quy định hiện tượng phân cực giàu nghèo trên bề mặt cuộc sống. Do vậy, để thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng đang diễn ra hiện nay, cần phải thay đổi *mô hình phát triển xã hội* bằng cách tạo chuyển đổi, chuyển dịch đời sống xã hội giữa các tầng lớp để phân tầng xã hội dịch chuyển từ mô hình kim tự tháp sang *mô hình quả trám với tầng lớp trung lưu đông đảo* ở giữa phình ra to nhất, hoặc gọi là *mô hình xã hội trung lưu* có dạng quả trám (hình thoi). Mô hình xã hội trung lưu có dạng quả trám sẽ thay thế cho mô hình phân tầng xã hội hình kim tự tháp là xu hướng vận động của các xã hội đang trong quá trình công nghiệp hóa. Bởi khi một quốc gia nào đó trở thành nước công nghiệp, thì các tầng lớp đặc trưng cho xã hội công nghiệp và hiện đại phải thể hiện rõ và chiếm tỷ lệ đông đảo, còn các tầng lớp của xã hội truyền thống (đặc biệt là nông dân) ngày càng nhỏ bé.

Mô hình xã hội có các tầng lớp trung lưu đông đảo sẽ ít phân cực hơn. Sự tăng lên của tầng lớp trung lưu có tác dụng làm giảm xung đột xã hội. Các tầng lớp xã hội trung lưu sẽ đảm bảo cho sự phát triển ổn

Hình 1. Hệ số Gini chi tiêu/thu nhập tăng lên và sự phân cực về mức sống ở Việt Nam từ năm 1992 đến 2012



Nguồn: Đồ thị được vẽ từ các số liệu của Tổng cục Thống kê qua các năm.

định, hài hòa và bền vững của một cấu trúc xã hội hiện đại. Với mô hình xã hội trung lưu có dạng quả trám, sự bất bình đẳng giữa các tầng lớp sẽ được giải quyết một cách căn bản. Còn hiện nay, dù cho mọi cố gắng làm hạn chế sự phân hóa, phân cực giàu nghèo và nâng cao mức sống cho người dân là rất cần thiết, nhưng cố gắng đó vẫn bị giới hạn trong khuôn khổ của hệ thống phân tầng xã hội hình kim tự tháp quy định - một mô hình xét từ trong bản chất có sự bất bình đẳng vào loại cao.

Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để xây dựng mô hình xã hội trung lưu? Để trả lời câu hỏi này, cần tiếp tục tìm hiểu ở tầng sâu hơn, phải quy về nền tảng kinh tế mà trên đó xây dựng nên mô hình xã hội trung lưu. Nền tảng kinh tế ở đây tức là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tạo ra và mở rộng các vị trí lao động, việc làm ở khu vực dành cho tầng lớp trung lưu. Theo cách diễn đạt của kinh tế học, đó chính là quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp do cơ cấu kinh tế quy định.

Sự thay đổi của cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa sẽ quy định chủ yếu sự biến đổi hệ thống các tầng lớp xã hội. Khi cấu trúc lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ dẫn tới kết quả là giảm tỷ lệ những tầng lớp của xã hội truyền thống, kéo theo sự tăng dần các tầng lớp đặc trưng cho xã hội công nghiệp và hiện đại.

Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế ở Việt Nam hiện nay chưa thay đổi mạnh để tạo ra và mở rộng các vị trí lao động, việc làm ở khu vực dành cho tầng lớp trung lưu để người nông dân có thể di động lấp đầy vào những vị trí đó. Nếu không có sự thay đổi ở tầm vĩ mô thuộc về cơ cấu kinh tế, thì tầng lớp nông dân đông đảo hiện nay (kể cả thế hệ tương lai) sẽ giảm rất chậm. Bởi

vậy, phải *phát triển ưu tiên/chủ đạo mạnh mẽ kinh tế tư nhân* (dựa trên sở hữu tư nhân, bao gồm các thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), như vậy sẽ tạo ra nhiều việc làm, ngành nghề mới hơn so với việc làm được tạo ra từ kinh tế nhà nước (dựa trên sở hữu nhà nước, công hữu). Thiết nghĩ nên xem xét lại quan điểm chiến lược *coi kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo*, thay đổi quan điểm này bằng chiến lược *coi kinh tế tư nhân đóng vai trò chủ đạo*. Kinh tế nhà nước chiếm dụng chủ yếu các nguồn lực của quốc gia, nhưng lại tạo ra số lượng của cải không tương xứng - đóng góp khoảng 1/3 GDP cả nước, làm ăn kém hiệu quả và tạo ra tỷ lệ việc làm ít ỏi (khoảng 10%) (Tổng cục Thống kê, 2015: 114).

2. Thực trạng sử dụng nguồn lực đất nông nghiệp ở khu vực nông thôn

** Quá trình tập trung, tích tụ đất nông nghiệp đang diễn ra khá chậm (miền Nam nhanh hơn miền Bắc). Số hộ không có đất nông nghiệp tăng lên và xu hướng phân bố diện tích không đều giữa 2 miền Nam, Bắc*

Quy mô diện tích trung bình (m^2 /người) đất nông nghiệp của các hộ gia đình nông thôn ở miền Nam nhiều hơn miền Bắc (gấp khoảng 3 lần). Đặc biệt nhóm hộ có quy mô diện tích $>5.000m^2$ /người ở miền Nam chiếm tỷ lệ nhiều hơn ở miền Bắc. Ở nông thôn cả nước, các hộ gia đình có quy mô đất nông nghiệp nhỏ bé (dưới $1.000m^2$ /người) chiếm tỷ lệ cao nhất. Trong 20 năm từ 1992-2012, những hộ ít đất (dưới $2.000m^2$ /người) giảm dần, những hộ có quy mô diện tích lớn hơn, đặc biệt là những hộ có quy mô đất nông nghiệp lớn (trên $5.000m^2$ /người) ngày càng tăng lên rõ rệt. Đồng thời, tỷ lệ các hộ gia đình không đất nông nghiệp ($0m^2$) có xu hướng tăng lên trong 20 năm từ 1992-2012. Như vậy, đất nông nghiệp vốn thuộc về các

nhóm hộ không đất và ít đất đã tập trung vào những nhóm hộ còn lại, tạo nên các nhóm hộ có quy mô diện tích lớn hơn (trên 5.000m²/người) ngày càng tăng lên.

Tất cả những diễn biến này đều quy về chứng tỏ rằng, có một *quá trình tích tụ đất nông nghiệp đang diễn ra chậm* ở nông thôn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Trong đó, sự tích tụ, tập trung đất nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam diễn ra nhanh hơn ở miền Bắc (mặc dù diễn ra còn chậm ở cả 2 miền).

Nhìn dưới góc độ khác, quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất cũng được thể hiện qua kết quả tính toán hệ số Gini về đất SXNN^(*) có xu hướng tăng chậm qua 20 năm (1992-2012): 0,480→0,529→0,594→0,597→0,601→0,629→0,646→0,652. Kết quả tính toán hệ số Gini về đất SXNN cho thấy, ở miền Nam (Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long: 0,788 và 0,700) luôn cao hơn miền Bắc (đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi phía Bắc: 0,458 và 0,501).

Góc nhìn theo sự biến đổi của hệ số Gini về đất nông nghiệp phản ánh sự tập trung, tích tụ đất nông nghiệp đang diễn ra chậm. Điều này đã bổ sung và phù hợp với góc nhìn về xu hướng tỷ lệ hộ gia đình không đất tăng lên.

** Kết quả thu nhập trên đất SXNN, đất lâm nghiệp (đất rừng) và đất thủy sản (ao, hồ, đầm)*

Kết quả nghiên cứu cho thấy: So với giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích từ đất SXNN (là 100%), thì giá trị thu nhập trên

đơn vị diện tích đất lâm nghiệp chỉ bằng 23,6% và đất thủy sản lên tới 117,1% (số liệu trung bình cho nông thôn cả nước trong 8 năm từ 2004-2012). *So sánh về hiệu quả thu nhập từ 3 loại đất của hộ gia đình, thì đất thủy sản cho giá trị cao nhất, tiếp theo là đất SXNN cao thứ hai và thấp nhất là đất lâm nghiệp.* Vậy quá trình tích tụ, tập trung đất nông nghiệp trên đây, kết hợp với hiệu quả thu nhập từ 3 loại đất liệu có làm cho hộ giàu sử dụng nhiều đất thủy sản, đất SXNN hơn hộ nghèo hay không? Những phân tích dưới đây sẽ trả lời câu hỏi này.

3. Bất bình đẳng về mức sống ở nông thôn qua sử dụng nguồn lực đất nông nghiệp

** Sự tích tụ đất nông nghiệp từ hộ nghèo vào hộ giàu ở Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long*

Từ những năm đầu đổi mới, sự phân chia đất nông nghiệp là tương đối công bằng trong các hộ gia đình ở nông thôn. Sau đó, theo sự diễn biến của thị trường giao dịch đất đai qua 20 năm (1992-2012), tỷ lệ các hộ gia đình không đất nông nghiệp ở nông thôn có xu hướng tăng lên. Trong đó, nông thôn các tỉnh miền Nam có tỷ lệ hộ không đất nông nghiệp nhiều hơn các tỉnh miền Bắc. Tỷ lệ các hộ gia đình không đất nông nghiệp có xu hướng tăng lên chứng tỏ đất nông nghiệp sẽ được tích tụ, tập trung vào những hộ gia đình khác.

Mặt khác, trong phạm vi nông thôn cả nước, các nhóm hộ có mức sống tăng dần từ nghèo lên giàu thì tỷ lệ hộ gia đình không đất nông nghiệp cũng tăng lên tương ứng. Nhưng điều này thể hiện khác nhau giữa đồng bằng sông Hồng với Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể là, đất nông nghiệp không tích tụ, tập trung vào nhóm hộ càng giàu ở đồng bằng sông Hồng, nhưng nó lại được tích tụ, tập trung vào nhóm hộ càng giàu ở Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

(*) Trên thế giới, các nhà nghiên cứu cũng đo lường hệ số Gini về đất đai (Ngân hàng Thế giới, 2004: 24, 25). Trong bài viết này, chúng tôi áp dụng hệ số Gini để đo lường sự phân bố diện tích đất SXNN. Việt Nam đang thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung đất đai, do vậy hệ số Gini về đất thể hiện thực trạng tích tụ, tập trung đất đai.

Như vậy, đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung từ các nhóm hộ ở cực nghèo vào các nhóm hộ cực giàu ở Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

** Sự phân bố khác nhau về diện tích đất SXNN, đất lâm nghiệp và đất thủy sản ở các nhóm hộ từ giàu đến nghèo*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong phạm vi nông thôn cả nước, nhóm hộ giàu có diện tích đất SXNN nhiều hơn hộ nghèo (Hình 2a). Sự phân bố đất SXNN giữa các nhóm hộ từ nghèo đến giàu đã phân thành hai cực tương tự như sự phân cực về mức sống (Hình 2a thể hiện sự phân cực tương tự Hình 1b). Đối với đất thủy sản cũng tương tự, nhưng riêng đối với đất lâm nghiệp thì nhóm hộ giàu lại ít đất rừng hơn nhóm hộ nghèo. Điều này ngược hẳn với đất SXNN, bởi vì đất rừng sinh lợi không cao cho nên các hộ giàu ít sử dụng nguồn lực đất đai này. Đây là một trong những nguyên nhân giải thích tình trạng mức sống của người miền núi thấp hơn miền xuôi là do cuộc sống của họ phải dựa nhiều vào đất lâm nghiệp.

Tóm lại, có sự phân bố khác nhau về nguồn lực đất nông nghiệp giữa hộ giàu và hộ nghèo. Trong ba loại đất SXNN, đất lâm nghiệp và đất thủy sản thì nhóm hộ giàu quản lý và sử dụng nhiều nguồn lực đất đai có khả năng sinh lời cao (đất SXNN và đất thủy sản), còn nhóm hộ

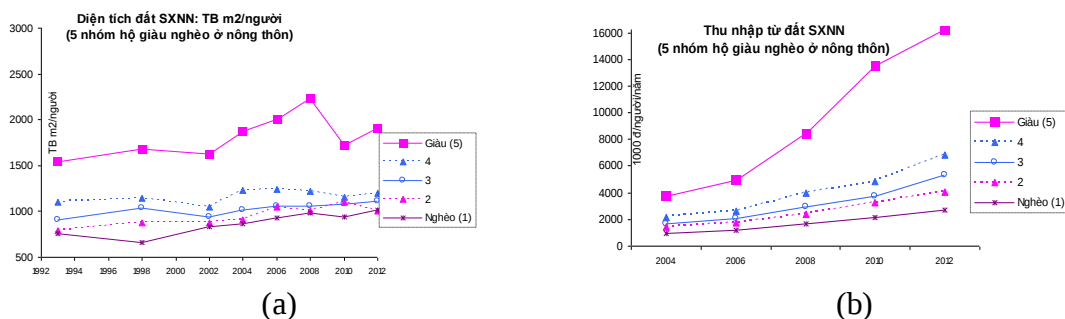
nghèo sử dụng nhiều nguồn lực đất lâm nghiệp sinh lời thấp. Kết quả này là đại diện cho nông thôn cả nước trong nhiều năm thời kỳ đổi mới.

** Kết quả thu nhập từ nguồn lực đất nông nghiệp ở các nhóm hộ từ giàu đến nghèo*

Những phân tích ở trên đã cho thấy có sự khác nhau trong tiếp cận nguồn lực đất nông nghiệp giữa các nhóm hộ giàu nghèo ở nông thôn cả nước. Về hiệu quả của việc sử dụng đất giữa các nhóm hộ giàu nghèo, kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với đất SXNN: Nhóm hộ giàu tạo ra giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích đất SXNN là cao nhất, còn nhóm hộ nghèo là thấp nhất. Đồng thời, nhóm hộ giàu cũng có diện tích đất SXNN nhiều nhất. Kết quả tương ứng là nhóm hộ giàu có thu nhập bình quân cao nhất, còn nhóm hộ nghèo là thấp nhất (Hình 2b). Điều đó dẫn đến sự phân cực giữa các nhóm hộ giàu nghèo về thu nhập từ đất SXNN cũng tương tự như phân cực về mức sống (Hình 2b thể hiện sự phân cực tương tự Hình 1b). Như vậy, xem xét theo cả 2 chiều cạnh (hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích đất và thu nhập bình quân đầu người/năm từ đất nông nghiệp) cho thấy, nhóm hộ giàu biết khai thác đất SXNN đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất, còn nhóm hộ nghèo là thấp nhất.

Đối với đất lâm nghiệp và đất thủy

Hình 2. Diện tích và kết quả thu nhập từ đất SXNN của các nhóm hộ giàu nghèo ở nông thôn từ 1992 đến 2012(*)



Nguồn: Tổng hợp từ các số liệu của Tổng cục Thống kê qua các năm.

sản: số liệu khảo sát cũng cho thấy nhóm hộ giàu có thu nhập bình quân từ 2 loại đất này là cao nhất, còn nhóm hộ nghèo là thấp nhất ở tất cả các năm 2004-2012. Điều này cũng tương tự như hiệu quả thu nhập của các nhóm hộ giàu nghèo từ đất SXNN trên đây.

Như vậy, nguồn lực đất nông nghiệp có mối liên hệ với bất bình đẳng giàu nghèo và mức sống của dân cư nông thôn.

** Tác động không nhiều của nguồn lực đất nông nghiệp đến giảm nghèo và tăng giàu, và nâng cao mức sống cho hộ gia đình nông thôn*

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, nhóm hộ nghèo thường có một số đặc điểm là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, đông nhân khẩu và nhiều người phụ thuộc, có nhiều lao động làm nông nghiệp, sinh sống ở vùng kinh tế-xã hội khó khăn. Trái lại, nhóm hộ giàu thường có một số đặc điểm là người Kinh và Hoa, trình độ học vấn cao hơn, ít nhân khẩu và ít người phụ thuộc, có nhiều lao động làm nghề phi nông nghiệp, sinh sống ở vùng kinh tế-xã hội thuận lợi hơn.

Ở khu vực nông thôn, nhân tố đất nông nghiệp nói chung (bao gồm cả gia tăng diện tích các loại đất và giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích - tức hiệu quả sản xuất) *có tác động* làm giảm hộ nghèo và tăng hộ giàu, và nâng cao mức sống cho các hộ gia đình *nhưng không nhiều* so với các nhân tố khác. Mặt khác, gia tăng giá trị thu nhập từ đất SXNN nói riêng cho hộ gia đình cũng có tác động đến giảm nghèo và tăng giàu, và nâng cao mức sống cho hộ gia đình nông thôn *nhưng cũng không nhiều*. Trong khi đó, các nhân tố như dân tộc, số người trong hộ làm việc ở cơ quan nhà nước, có là hộ nông nghiệp hay không, có ở gần cơ sở sản xuất kinh

doanh, dịch vụ hay không và có sống ở vùng kinh tế-xã hội thuận lợi hơn hay không đều thể hiện sự *tác động nhiều hơn cả* (so với tác động của đất nông nghiệp).

Thu nhập từ đất SXNN chiếm tỷ lệ trung bình là 33,9% trong tổng thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn (giai đoạn 2004-2012), và tỷ lệ này ngày càng nhỏ dần trong tổng thu nhập của hộ gia đình trong giai đoạn này. Trong đó, thu nhập từ đất SXNN của nhóm hộ nghèo chiếm tỷ lệ 45,7% trên tổng thu nhập và nhóm hộ giàu với con số tương ứng là 25,5%. Trong khi đó, các nhân tố ngoài đất nông nghiệp thể hiện sự tác động nhiều hơn cả (so với tác động của đất SXNN).

4. Một số khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, quá trình tích tụ và tập trung đất nông nghiệp (trong đó chủ yếu là đất SXNN) đang diễn ra khá chậm ở nông thôn Việt Nam. Điều đó đòi hỏi cần phải thúc đẩy mạnh, “có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, mục III). Để thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung đất SXNN ở nông thôn Việt Nam hiện nay, dựa trên cơ sở lý luận và kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Tình trạng nông dân bỏ ruộng ở miền Bắc hiện nay có thể là biểu hiện của sự gắn kết lỏng lẻo của người dân đối với đất nông nghiệp. Còn ở miền Nam không có tình trạng nông dân bỏ ruộng, điều đó phải chăng là do đất SXNN thuộc về tư hữu ngầm ẩn? Theo chúng tôi, đất SXNN là tài sản đặc biệt, chỉ có thể sử dụng và khai thác có hiệu quả nhờ vào sự quản lý và đầu tư ổn định, lâu dài từ thể chế sang thể chế khác. Do vậy, phải bảo đảm

quyền sử dụng lâu dài đất SXNN bằng việc xác định rõ chủ thể sở hữu, có như vậy mới có thể tạo động lực để quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả.

- Muốn tích tụ và tập trung ruộng đất, phải thực hiện cơ chế thị trường đầy đủ đối với đất SXNN. Cơ chế thị trường sẽ điều chuyển sử dụng đất một cách linh hoạt và đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Đất SXNN sẽ là hàng hóa trong thị trường này. Quyền sở hữu tư nhân đối với hàng hóa đất SXNN phải được bảo đảm thì thị trường đất SXNN mới hoạt động đầy đủ và hoàn hảo (thuận mua vừa bán).

- Phải thực hiện chuyển dịch dần cơ cấu lao động ra khỏi lĩnh vực nông nghiệp, điều đó sẽ giúp tập trung và tích tụ ruộng đất cho những người biết khai thác, làm giàu từ đất SXNN. Đây chính là *quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp để gia tăng tầng lớp trung lưu* được đề cập ở trên. Tức là, thị trường đất SXNN phải gắn liền với thị trường lao động rút khỏi nông nghiệp do tích tụ ruộng đất. Hàng hóa trong thị trường này là đất đai và lao động.

- Quyền sở hữu tư nhân đối với ruộng đất sẽ làm tăng hiệu quả sử dụng ruộng đất. Ở Việt Nam, thực tế trong lịch sử đã tồn tại sở hữu tư nhân về ruộng đất ở khu vực Nam bộ. Với sự đóng góp ít ỏi của đất nông nghiệp đến mức sống hộ gia đình và tình trạng hộ gia đình nông thôn bỏ ruộng, trả lại ruộng đất hiện nay (ở miền Bắc), theo chúng tôi, nên trao quyền *sở hữu tư nhân đất SXNN* (tức là thực hiện *đa hình thức sở hữu*) cho người dân nông thôn. Thực hiện điều này sẽ giúp đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất ở nông thôn Việt Nam, dẫn tới làm tăng hiệu quả và tăng sự đóng góp của ruộng đất đối với

mức sống hộ gia đình. Quá trình tư nhân hóa đất SXNN để tích tụ và tập trung ruộng đất trong hàm ý chính sách này cũng là xu hướng phát triển của nhiều nước trên thế giới. Sở hữu tư nhân đất SXNN là *điều kiện cơ bản nhất* để tích tụ và tập trung đất nông nghiệp nói chung, đất SXNN nói riêng □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam*, http://daihoi12.dangcongsan.vn/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=28340743&cn_id=405101
2. Đỗ Thiên Kính (2015), “Xu hướng bất bình đẳng về mức sống ở Việt Nam trong 20 năm đổi mới (1992-2012)”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 236/10.
3. Ngân hàng Thế giới (2004), *Chính sách đất đai cho tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê (2015), *Niên giám thống kê 2014*, Nxb. Thống kê (bản điện tử), Hà Nội.
5. Tổng cục Thống kê (2014), *Kết quả Khảo sát Mức sống Dân cư năm 2012*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
6. Tổng cục Thống kê (2011), *Kết quả Khảo sát Mức sống Dân cư năm 2010*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
7. Tổng cục Thống kê (2000), *Điều tra Mức sống Dân cư Việt Nam 1997-1998*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê (1994), *Khảo sát Mức sống Dân cư Việt Nam 1992-1993*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.